

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4595/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa từ 180 giường bệnh lên 340 giường bệnh tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 78/BQLDA-KTTĐ ngày 07/02/2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 246/TTr-STNMT ngày 21 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa, địa chỉ tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Quyết định thành lập Bệnh viện số 660/QĐ-UBND ngày 10/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Mã số thuế: 2802831919.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị nội trú, ngoại trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 21.197 m².

- Công suất: 340 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa và Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa và Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép và bàn giao công trình bảo vệ môi trường cho Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện

các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 28 tháng 02 năm 2024 đến ngày 28 tháng 02 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hoàng Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- BQLDAĐTXD huyện Hoàng Hóa (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hoàng Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ Nhà A1 Khoa lây nhiễm và kiểm soát nhiễm khuẩn lưu lượng lớn nhất là 6,7 m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ Nhà A2 Khoa chuẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng có lưu lượng lớn nhất là 2,8 m³/ngày.đêm.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ Nhà A4 Khoa Đông y, khoa nhi, khoa vật lý trị liệu có lưu lượng lớn nhất là 10,8 m³/ngày.đêm.

1.4. Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ Nhà A10 Khoa liên chuyên khoa có lưu lượng lớn nhất là 17,0 m³/ngày.đêm.

1.5. Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ Nhà A9, Nhà ăn Khoa Dinh dưỡng có lưu lượng lớn nhất là 8,7 m³/ngày.đêm.

1.6. Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ Nhà khám chữa bệnh trung tâm 9 tầng có lưu lượng lớn nhất là 53,0 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung thải ra mương thoát nước chung của khu vực tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa (tại góc phía Bắc của bệnh viện), sau đó chảy ra sông Gòng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 (Một) dòng nước thải: Nước thải sau xử lý hệ thống xử lý nước thải tập trung được thải ra mương thoát nước chung của khu vực tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa (tại góc phía Bắc của bệnh viện).

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X= 2196133 (m) ; Y = 589532 (m) (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 -8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	100	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	10	
7	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	10	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	
10	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
11	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
12	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

* **Ghi chú:** “KPH”: không phát hiện được.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 06 được xử lý trong bể tự hoại 03 ngăn (gồm: 02 bể thể tích 16m³/bể tại nhà A1; 03 bể thể tích 18m³/bể tại nhà A2; 02 bể thể tích 18m³/bể tại nhà A4; 02 bể thể tích 18m³/bể tại nhà A10; 01 bể thể tích 30m³/bể tại nhà A9; 03 bể thể tích 30m³/bể tại nhà khám chữa bệnh trung tâm) sau đó theo đường ống dẫn D200 về trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 100m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải nhà ăn từ nguồn số 05 được thu gom vào bể tách dầu (thể tích 7,5m³) sau đó theo đường ống dẫn D200 về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt thông thường (tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân) từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 06 được thu gom bằng đường ống dẫn D200 về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải y tế từ hoạt động xét nghiệm, lau rửa vết thương từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 06 được thu gom dẫn riêng bằng đường ống PVC D110 tại mỗi khu nhà về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung xây dựng mới: 100 m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể lắng cát → Bể gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aeroten → Bể lắng vi sinh → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy ra sông Gòg.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của công trình xử lý nước thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải và ghi chép sổ nhật ký vận hành theo quy định.

- Bố trí đầy đủ các thiết bị dự phòng (máy thổi khí, bơm nước, bơm định lượng,...) đảm bảo sẵn sàng thay thế khi có sự cố thiết bị.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp máy móc, thiết bị bị hư hỏng, tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý ra môi trường tiếp nhận; thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể chứa nước thải, bể xử lý để tiến hành sửa chữa, khắc phục.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải sẽ được bơm quay về bể thu gom, bể điều hòa và tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường (bơm nước thải được lắp đặt là bơm một chiều).

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải: (1) trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) trường hợp nước thải trong các bể bị ứ đọng/tràn do bơm nước thải, công tắc phao bị hỏng hay nghẹt thì phải vận hành bơm dự phòng khi bơm hỏng, vệ sinh bơm/công tắc phao khi bị nghẹt; (3) trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm bùn vi sinh, tăng dưỡng chất tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố; bơm nước thải chưa xử lý từ bể sự cố về bể đầu vào để tiếp tục xử lý; (4) trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ

các chất ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn xả thải ra ngoài môi trường, chưa thể khắc phục ngay, Bệnh viện sẽ thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể chứa nước thải, bể xử lý, ao sinh học để tiến hành sửa chữa, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến quý I/2027, sau khi dự án xây dựng xong).

2.3. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày.đêm.

2.4. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào (tại bể thu gom nước thải) và mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (bể gom nước thải sau bể khử trùng).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.5. Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Hóa có trách nhiệm thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của bệnh viện và vận hành hệ thống xử lý nước thải hiện trạng (150 m³/ngày.đêm) trong thời gian Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của bệnh viện./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Nguồn số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà khoa dinh dưỡng của bệnh viện (nguồn phát sinh không liên tục, lưu lượng không xác định).

1.2. Nguồn số 02: Mùi, khí thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (lưu lượng không xác định).

2. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thông hơi, xả thải không thường xuyên chỉ phát sinh khi hoạt động nấu ăn.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường, xả liên tục 24/24.

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

3.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Mùi, khí thải từ khu vực nấu ăn của bệnh viện sẽ được thu vào quạt hút mùi đi theo đường ống thông hơi D140 thoát ra môi trường bên ngoài.

- Mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ được thoát trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn được chụp hút qua cụm hệ thống hút mùi (có phin lọc dầu mỡ), sau đó qua hệ thống đường ống thông hơi thoát ra môi trường.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường.

3.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

3.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:

1. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của bệnh viện theo đúng quy trình kỹ thuật.
2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- 1.1. Nguồn số 1: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 1;
1.2. Nguồn số 2: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 2;
1.3. Nguồn số 3: Từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí là nguồn số 01: Tại bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰), cụ thể: Tọa độ: X = 2195923.3443; Y = 589465 (m);

- Vị trí là nguồn số 02: Tại bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰), cụ thể: Tọa độ: X= 2196050(m); Y= 589508 (m);

- Vị trí là nguồn số 03: Tại bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰), cụ thể: Tọa độ: X= 2196050 (m); Y = 589531 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		

1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
---	----	----	---	------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã	Khối lượng ước tính (kg/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại		24.820
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	22.388
2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	1.123
3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế...)	13 03 02	3,0
4	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	250
5	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.	18 01 04	282
II	Chất thải nguy hại khác		13
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	3
3	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa các hóa chất độc hại) thải bỏ	18 01 01	5
	Tổng		24.833

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Can nhựa các loại	3.650

2	Chất thải là vật liệu giấy (giấy, báo, bì, thùng carton, vỏ hộp thuốc,...)	7.300
3	Chất thải là vật liệu nhựa (chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không chứa thành phần nguy hại,...)	12.410
4	Chất thải là vật liệu thủy tinh (chai, lọ thủy tinh đựng thuốc, hóa chất không chứa thành phần nguy hại,...)	14.600
5	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải (sau khi đã xác định không có thành phần nguy hại)	56.009
Tổng khối lượng		93.969

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	214,18

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các loại túi nilong, thùng lưu chứa có nắp đậy phân loại màu sắc theo mã quy định có dung tích từ 5 - 120 lít;

- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Khu lưu chứa chất thải nguy hại nằm trong nhà lưu giữ chất thải của bệnh viện diện tích 30 m² (có mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, tường gạch bao xung quanh, nền lát gạch chống thấm, chia làm 03 khu lưu chứa bằng các vách ngăn tường gạch bê tông); phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các chất thải rắn y tế thông thường được phân loại vào các thùng chứa có màu sắc theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế - quy định về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu chứa tại 02 bể chứa bùn.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Khu lưu chứa chất thải y tế thông thường nằm trong nhà lưu giữ chất thải của bệnh viện, có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa dung tích 40 lít và 240 lít tại các hành lang, sân đương nội bộ, sau đó tập kết chứa vào 08 xe đẩy tay dung tích 0,5m³/xe.
- Hằng ngày thu gom chất thải rắn sinh hoạt 01 lần/ngày về khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Khu lưu chứa chất thải sinh hoạt nằm trong nhà lưu giữ chất thải của bệnh viện, có biển cảnh báo.
- Thực hiện vệ sinh hàng ngày đảm bảo sạch sẽ.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình như sau:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày xây dựng, hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.
- Che chắn khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) phục vụ quá trình thi công xây dựng bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công.
- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...
- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác thải xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.
- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

2.1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Đối với nước thải vệ sinh tay chân của công nhân với lưu lượng $0,96\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng công suất $150\text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.
- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng $1,44\text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh $1060 \times 850 \times 1980\text{ mm}$. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 2 ngày/lần) đem đi xử lý bằng xe chuyên dụng.

- Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe thu gom về 01 bể lắng có dung tích khoảng $6,0 \text{ m}^3$ (có lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm, kích thước mỗi bể là $B \times L \times H = 3,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,0\text{m}$) tại khu vực lán trại để xử lý. Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường, văng dầu thu được lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại.

2.1. Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Đối với nước thải khám chữa bệnh, nhà khoa dinh dưỡng phát sinh tại các khu nhà hiện trạng được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, $K = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra mương thoát nước chung của khu vực (tại góc phía Bắc của bệnh viện), tọa độ: $X = 2196133 \text{ (m)}$; $Y = 589532 \text{ (m)}$

- Công nghệ của hệ thống xử lý nước thải (công nghệ AAO): Nước thải $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể yếm khí $\rightarrow$ Bể thiếu khí $\rightarrow$ Bể hiếu khí $\rightarrow$ Bể lắng $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ thải ra mương thoát nước phía Bắc Bệnh viện.

3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải

3.1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công, các tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư lân cận; sử dụng xe téc $5,0 \text{ m}^3$, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc; tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh, nắng.

- Quét dọn vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu trong phạm vi 300 m từ dự án về 2 phía Tây và Đông dự án.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,5 m, dài khoảng 500 m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, găng tay, kính...theo quy định).

3.2. Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý mùi hôi từ các bể của trạm xử lý nước thải hiện trạng.

- Xử lý mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn tại nhà khoa dinh dưỡng hiện trạng, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh.

4. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường và nguy hại

4.1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng dung tích 100 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

- + Đối với vật liệu là đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi được thu gom và san lấp mặt bằng khu vực dự án.

- + Chất thải rắn trong quá trình phá dỡ hiện trạng được thu gom, vận chuyển đến bãi thải tại phố Bút Cương, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, cách dự án khoảng 1,8 km.

- + Các loại chất thải rắn như đá thải, gạch hư hỏng, xi măng hỏng,... thu gom riêng, vận chuyển vận chuyển đến bãi thải tại phố Bút Cương, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, cách dự án khoảng 1,8 km.

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.2. Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Tổ chức thu gom, phân loại chất thải rắn phát sinh ngay tại nguồn theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế thông thường không có khả năng tái chế được thu gom tập kết về nhà lưu giữ rác thải hiện trạng có diện tích 20m². Tại đây, bố trí 08 xe đẩy rác bằng tay (dung tích 0,5 m³/xe) để lưu giữ tạm thời chất thải rắn trong khi chờ vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải y tế thông thường có thể tái sử dụng (như dây truyền dịch; chai lọ truyền dịch; chai lọ thủy tinh không chứa chất độc hại, chất lây nhiễm...) được thu gom và lưu giữ tại phòng chứa diện tích 10 m² của nhà lưu giữ chất thải của bệnh viện có diện tích 30 m² góc phía Bắc bệnh viện (gần hệ thống xử lý nước thải hiện trạng).

- Đối với các loại chất thải nguy hại gồm bóng đèn neon hỏng, pin, ắc quy, chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn, chai lọ thủy tinh... thu gom riêng vào các hộp nhựa màu vàng; bố trí 03 bể bê tông, thể tích 01 m³/bể để lưu giữ chất thải nguy hại sắc nhọn. Chất thải y tế nguy hại sắc nhọn trước khi cho vào bể bê tông được khử khuẩn bằng Cloramin B, khối lượng Cloramin B. Định kỳ khoảng 6 tháng/lần bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn, thu gom và phân loại bằng các túi đựng rác chuyên dụng theo quy định của Bộ Y tế và vận chuyển tập kết tại phòng chứa chất thải riêng tại khu nhà tập kết chất thải y tế, hợp đồng với Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc để vận chuyển, xử lý.

- Chất thải giải phẫu thu gom vào 01 tủ bảo ôn dung tích 280 lít sau đó hợp đồng với Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc để vận chuyển, xử lý.

- Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dùng còi trong khu đông người.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa và Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh và kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số K =1,0. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường

8. Sau khi hoàn thành việc xây dựng toàn bộ dự án, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm bàn giao công trình cho Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa quản lý, vận hành; phối hợp với Bệnh viện báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa để được xem xét cấp đổi giấy phép môi trường hoặc cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định./.